| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YT**<br>**TỈNH BG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:10/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-3-2022.
Về việc ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YT, TỈNH BG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Đinh Thị Vân Anh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Hải Đăng.

2. Ông Lục Viết Sang.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hứa Thị Thơ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh BG.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT, tỉnh BG tham gia phiên tòa*:** Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28-3-2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh BG xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:203/2021/TLST-HNGĐ ngày 22-12-2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:13/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 10-3-2022 giữa các đương sự:

- NguY đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Bản Nghè, xã Xuân Lương, huyện YT, tỉnh BG.

- Bị đơn: Anh Hầu Văn Y, sinh năm 1984 - (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Bản Nghè, xã Xuân Lương, huyện YT, tỉnh BG.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, chị Nguyễn Thị T trình bày*

Chị kết hôn với anh Y vào ngày 24/02/2006, trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Lương, huyện YT, tỉnh BG. Sau khi kết hôn chị T về nhà anh Y làm dâu ngày, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 3/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. NguY nhân do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, anh Y không tin tưởng chị và nghi ngờ chị có quan hệ nam nữ với người khác nên đánh

chị, Vợ chồng anh sống ly thân từ tháng 3 năm 2018 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh Y.

Về con chung. Vợ chồng chị có 01con chung là Hầu Thị Huệ sinh ngày 21/02/2007 hiện con chung đang ở với vợ chồng chị, cháu khỏe mạnh phát triển bình thường khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con không yêu cầu anh Y cấp dưỡng vì chị đi làm công ty Gocbtek tại Bắc Ninh lương, thu nhập khoảng 8.000.000đ/1 tháng đủ tiền nuôi con;

Về tài sản chung, công nợ chung. Vợ chồng chị không có tài sản gì, không nợ ai và không cho ai vay nợ.

Do điều kiện chị đi làm công ty và dịch bệnh Covid không về thạm gia phiên tòa được, chị T có đơn xin được vắng mặt.

**** Tại bản khai, anh Hầu văn Y trình bày:***

Anh Y và chị T kết hôn như chị T trình bầy là đúng; Nguyên nhân mâu thuẫn năm 2019 chị T đi làm công ty không về nhà nên vợ chồng sảy ra mâu thuẫn, anh nghi ngờ chị T có quan hệ nam nữ với người khác nên có tát chị T mấy cái, từ đó chị T ít về nhà, chỉ thình thoảng về nhà thăm con, nay chị T xin ly hôn anh không đồng ý. Vì anh vẫn còn tình cảm với chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung như chị T trình bầy là đúng; Hiện cháu Hầu Thị Huệ đang ở với anh, khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con vì hiện tại anh đi làm công ty may Hà Bắc tại xã Hồng Thái, huyện Việt Y, tỉnh BG thu nhập bình quân 6.000.000đ đến 7.000.000đ/1 tháng đủ tiền nuôi con

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng anh không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay vì lý do công việc ở Công ty không nghỉ được hơn nữa do dịch bệnh Covid nên anh đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

- Ý kiến cháu Hầu Thị Huệ. Hiện cháu đang học lớp 9 trường Trung học cơ sở Xuân Lương, nếu bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu được ở với bố.

*+ Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; NguY đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không đến tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình xử cho chị T được ly hôn anh Y. Về con chung, giao cho anh Y được trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng con chung là Hầu Thị Huệ, anh Y không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ, chị T, anh Y xác định không có. Nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị T làm đơn xin ly hôn anh Y; yêu cầu giải quyết về con chung; Về tài sản, công nợ không có. Xác định về quan hệ tranh chấp "ly hôn, nuôi con"

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T xin ly hôn anh Y; Anh Y hiện đang cư trú tại xã Xuân Lương, huyện YT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YT theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chị T, anh Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Hầu Văn Y.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh Y có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Lương, huyện YT, tỉnh BG vào ngày 24/02/2006. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình. Tại đơn khởi kiện, lời khai của chị T trình bầy vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến 3/2018 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Y nghi ngờ chị có quan hệ nam nữ bất chính nên vợ chồng sảy ra đánh cãi chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ 2019 đến nay, nay chị xin ly hôn nhưng anh Y không đồng ý anh Y cho rằng tỉnh cảm của anh đối với chị vẫn còn. Xét thấy mặc dù anh Y không đồng ý ly hôn chị T nhưng tại lời khai của anh Y cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2018 nguY nhân do anh nghi ngờ chị T có quan hệ nam nữ bất chính với người khác, anh có đánh chị T, nhưng anh không cung cấp được bất cứ chứng cứ gì chứng minh việc chị T có quan hệ bất chính. Qua xác minh tại địa phương xã Xuân Lương cung cấp thấy chị T không về chung sống với anh Y được 2 đến 3 năm nay, thỉnh thoảng chỉ về thăm con. HĐXX xét thấy mặc dù anh Y nói tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn chị T. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân thực tế đã không tồn tại 2 năm nay, mục đích của hôn nhân không đạt được hai bên đã không quan tâm, sống ly thân nhau thời gian đã dài nên việc chị T xin ly hôn anh

Y là có căn cứ để chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung. Vợ chồng chị T, anh Y có 01 con chung là Hầu Thị Huệ, sinh ngày 21/02/2007, từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu Huệ đang ở với anh Y, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường, nay cả chị T, anh Y đều có nguyện vọng được nuôi cháu. Xét thấy về điều kiện nuôi con, cả chị T, anh Y đều đi làm công ty đều có thu nhập bình 7.000.000đ đến 8.000.000đ/1 tháng đủ khả năng nuôi con. Xét thấy ngoài điều kiện về kinh tế cũng xét điều kiện thực tế, hiện nay cháu Huệ đang ở ổn định với anh Y từ khi vợ chồng ly thân đến nay, hơn nữa tại bản khai cháu có nguyện vọng được ở với bố. Do đó để đảm bảo cuộc sống của cháu không bị xáo trộn và phù hợp với nguyện vọng của cháu nên giao cháu Huệ cho anh Y được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế. Mặc dù chị T không trực tiếp nuôi con, nhưng chị T có quyền thăm con không ai được cản trở chị T thực hiện quyền này. Về cấp dưỡng nuôi con. Anh Y, chị T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung, Chị T, anh Y xác định không có nên hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27; của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Về điều luật áp dụng:** Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Khoản 1 Điều 228, Điều 238 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5, Điều 27; của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

**2. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hầu Văn Y.

**3. Về con chung:** Giao cho anh Hầu Văn Y được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là Hầu Thị Huệ, sinh ngày 21/02/2007. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Y không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

**4. Về tài sản chung, công nợ chung:** Chị T, anh Y xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**5. Về tiền án phí:** Chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai thu số 0008606 ngày 20/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YT. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí.

**6. Quyền kháng cáo:** Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh BG;
- VKSND huyện YT;
- VKSND Tỉnh BG;
- Chi cục THADS huyện YT;
- UBND xã đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án Tối cao;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Thị Vân Anh**